TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 464/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Phó
2. Ông Đỗ Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2019/TB-TLVA ngày 28 tháng 3 năm 2019 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1986
Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Đình N, sinh năm 1976
Địa chỉ: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị L có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và bản khai ngày 25 tháng 3 năm 2019 cũng như trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Đình N tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn do anh N không quan tâm vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và sống ly thân với anh N từ tháng 1/2015 cho đến nay. Từ đó, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N chung sống có 02 con chung tên Phạm Phương N sinh ngày 12/5/2006 và Phạm Đình H sinh ngày 22/11/2012. Hiện chị đang nuôi các con. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/5/2019, bị đơn anh Phạm Đình N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Trúc L quen biết, tổ chức đám cưới và chung sống từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình vào tháng 5/2005. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bên gia đình anh. Đến năm 2015, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do cự cãi, bất đồng quan điểm nên chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột chị L sống và sống ly thân với anh từ đó. Nay, anh còn thương vợ nhưng chị L muốn ly hôn thì tùy chị L, anh không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung như chị L trình bày. Nay, anh đồng ý giao các con chung cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa như sau:

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Đình N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Phạm Đình N tự nguyện chung sống vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Nhị Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 54 quyển số 02 ngày 20/5/2005. Như vậy, chị L và anh N có đủ điều kiện kết hôn, tự nguyện chung sống với nhau và đã thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định nên căn cứ vào các Điều 9 và 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Phạm Đình N là hợp pháp.

[2.1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L và bị đơn anh Phạm Đình N trình bày như sau: Chị L và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột của chị L sống và sống ly thân với anh N luôn từ đó đến nay. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận những tình tiết nêu trên là sự thật.

[2.1.3] Chị L yêu cầu ly hôn, anh N không có ý kiến mà tùy chị L quyết định. Xét thấy, chị L và anh N đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chị L và anh N không còn thương yêu, quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nên quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, thời gian sống ly thân đã lâu. Do vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Phạm Đình N chung sống có 02 con chung tên Phạm Phương N sinh ngày 12/5/2006 và Phạm Đình H sinh ngày 22/11/2012. Chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con, anh N đồng ý. Xét thấy, trong thời gian chị L và anh N sống ly thân, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm lo về sinh hoạt và học tập cho các con, cháu N cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển bình thường của cháu N và cháu H, đồng thời có xét đến nguyện vọng của cháu N, yêu cầu của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù

hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Như nhận định trên, chị L là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung có đủ điều kiện nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, anh N cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh N thống nhất không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận chị L và anh N không có tài sản chung và nợ chung.

[3] Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L.

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Phạm Đình N.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Phương N sinh ngày 12/5/2006 và Phạm Đình H sinh ngày 22/11/2012 cho chị Nguyễn Thị Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Đình N không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Phạm Đình N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản chung: không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Trúc L đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009518 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, Tiền Giang nên xem như nộp xong án phí.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND h. CT - TG;
- THADS h.CT - TG;
- UBND x.Nhị Bình – CT - TG;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Nguyễn Huỳnh Trúc